TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2026/DS-ST Ngày 20-7-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thu

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng và trụ sở Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh H4, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Anh T (theo Giấy ủy quyền số 9627/UQ-PVB ngày 27/5/2026); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Số B P, tổ dân phố P, phường Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/12/2023, bà Trần Thị T1 ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 003/2024/HĐTD/PVB-CNHP-LHP (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau

đây gọi tắt là Ngân hàng) với điều kiện như sau: Ngân hàng cho vay trả góp, hạn mức 60.000.000 đồng, mục đích vay: Mua đồ nội thất gia đình, thời gian vay: 60 tháng, lãi suất 18%/năm, giải ngân vào tài khoản thấu chi của bên vay mở tại Ngân hàng. Thời hạn trả nợ gốc là 60 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 1.000.000 đồng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng cùng với kỳ trả gốc. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/01/2024.

Tạm tính đến ngày 20/7/2026, bà T1 còn nợ 56.457.636 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.895.129 đồng, tiền lãi 11.562.507 đồng (gồm lãi trong hạn: 369.863 đồng, lãi quá hạn: 8.166.357 đồng, phạt chậm trả lãi là 3.085.279 đồng). Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 25/3/2024, toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhưng bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị T1 phải thanh toán trả cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/7/2026 là 56.457.636 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.895.129 đồng, tiền lãi 11.562.507 đồng (gồm lãi trong hạn: 369.863 đồng, lãi quá hạn: 8.166.357 đồng, lãi phạt: 3.026.287 đồng).

2. Bà Trần Thị T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

3. Bà Trần Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí.

* *Bị đơn là bà Trần Thị T1*: Trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không trình bày ý kiến nên không lấy được lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các điều 116, 117, 275 và 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ: Buộc bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 56.457.636 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.895.129 đồng, tiền lãi 11.562.507 đồng.

Về án phí: Bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn bà Trần Thị Thùy cư T2 tại phường Đ, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Trần Thị T1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về yêu cầu khởi kiện:

[3] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, 117, 275 và 463 Bộ luật Dân sự. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[4] Đối với khoản tiền nợ gốc: Ngân hàng đã giải ngân theo Giấy rút tiền của bà Trần Thị T1 ngày 02/01/2024 số tiền 60.000.000 đồng. Tính đến ngày 20/7/2026, bà T1 đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.104.871 đồng. Số tiền nợ gốc còn phải thanh toán là 44.895.129 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nhấp nhận.

[5] Xét số tiền nợ lãi: Tính từ ngày 25/3/2024, bà T1 phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ chưa thanh toán. Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng

tín dụng là 18%/năm, lãi suất quá hạn được tính 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng yêu cầu bà T1 thanh toán lãi suất trên dư nợ gốc tính đến ngày 20/7/2026 số tiền lãi quá hạn 11.562.507 đồng, gồm lãi trong hạn: 369.863 đồng, lãi quá hạn: 8.166.357 đồng, lãi phạt: 3.026.287 đồng. Nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán trả khoản tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nhưng phải theo quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, cụ thể: 56.457.636 đồng x 5% = 2.822.881 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 116, 117, 275 và 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ: Buộc bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 56.457.636 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.895.129 đồng, tiền lãi 11.562.507 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nhưng phải theo quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị T1 phải nộp 2.822.881 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.234.792 đồng (một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bẩy trăm chín mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008143 ngày 16/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – HẢI PHÒNG

Bản án số: /2026/DS-ST
Ngày 25-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy H1

2. Ông Lê Xuân A

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai P – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu H2 - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng và trụ sở Ngân hàng TMCP S chi nhánh H4, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án thụ lý số 30/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2026/QĐXX-ST ngày tháng năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2026/QĐ-ST ngày tháng năm 2026giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Mai Thị H3 – Chuyên viên KSRR S2 (Giấy ủy quyền số 19/2025/GUQ-CNHP ngày 31/12/2025); …. mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mai T3, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số A Đ, H, phường Đ, thành phố Hải Phòng; …. mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/11/2022, bà Trần Thị Mai T3 ký với Ngân hàng TMCP S nay là Ngân hàng TMCP S1 theo Quyết định số 36/QĐ-QLGS4 ngày 01/6/2026 của Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (sau đây gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 31,2%/năm, theo biểu phí thẻ đối với thẻ tín dụng quốc tế hạng cao cấp với mục đích tiêu dùng cá nhân, số thẻ 472074-0919. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Mai T3 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/6/2026, số tiền bà T3 đã thanh toán là 49.952.376 đồng, trong đó:

Số tiền đã giao dịch 44.851.421 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.233.456 đồng, tiền phí: 1.867.499 đồng. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 25/6/2026, bà T3 còn nợ 37.961.827 đồng, trong đó tiền giao dịch là 27.148.579 đồng, lãi quá hạn 10.813.248 đồng. Ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phát sinh dư nợ là ngày 10/6/2025. Do bà T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 10/6/2025, toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang nợ quá hạn và ngân hàng buộc phải chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T3. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp nhưng bà T3 vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho ngân hàng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị Mai T3 phải thanh toán trả cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2026 là 37.961.827 đồng, trong đó tiền giao dịch là 27.148.579 đồng, lãi quá hạn 10.813.248 đồng.

2. Bà Trần Thị Mai T3 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

3. Bà Trần Thị Mai T3 phải chịu toàn bộ án phí.

* *Bị đơn là bà Trần Thị Mai T3*: Trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không trình bày ý kiến nên không lấy được lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- …….

- Về án phí: Nguyên đơn không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bị đơn bà Trần Thị Mai T3 cư trú tại phường Đ, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Trần Thị Mai T3 là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về yêu cầu khởi kiện:

[3] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Mai T3 theo: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân: Loại thẻ tín dụng: Visa Classic với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 31,2%/năm. Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Nội dung của Hợp đồng có đầy đủ các điều khoản quy định tại Điều 13 của Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[4] Đối với khoản tiền nợ gốc: Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng mở thẻ tín dụng số 472074-0919 cho chủ thẻ bà Trần Thị Mai T3. Bà Trần Thị Mai T3 bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/9/2025 với tổng số tiền 72.000.000 đồng. 06/4/2026, số tiền bà T3 đã thanh toán là 49.952.376 đồng, trong đó: Số tiền đã giao dịch 44.851.421 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.233.456 đồng, tiền phí: 1.867.499 đồng. Từ ngày 10/10/2025, bà T3 không thực hiện nghĩa vụ và khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn và ngân hàng khóa thẻ. Nay khoản nợ gốc còn lại bà T3 chưa thanh toán là 27.148.579 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nhấp nhận.

[5] Xét số tiền nợ lãi: Tính từ ngày 10/10/2025, bà T3 phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ chưa thanh toán. Mức lãi xuất: là 31,2%/năm, lãi suất quá hạn được tính 150% lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại (Theo điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng). Ngân hàng yêu cầu bà T3 thanh toán lãi suất trên dư nợ gốc 27.148.579 đồng, tính đến ngày 26/6/2026 số tiền lãi quá hạn 10.813.248 đồng. Nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải

thanh toán trả khoản tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nhưng phải theo quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai T3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ngân hàngđược chấp nhận, cụ thể: 37.961.827 đồng x 5% = 1.898.091 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 117, 119, 280, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) khoản 1 Điều 5 Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1: Buộc bà Trần Thị Mai T3 phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 25/6/2026 là 37.961.827 đồng, trong đó nợ gốc 27.148.579 đồng, nợ lãi là 10.813.248 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nhưng phải theo quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có

thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Mai T3 phải nộp 1.898.091 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP S1 số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001378 ngày 29/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ngân hàng TMCP S1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị Mai T3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng